

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN A.I BROTHERS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN A.I BROTHERS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: A.I BROTHERS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: AIBRO CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109532972

3. Ngày thành lập: 01/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 61B, Tập thể LICOLA, Tổ dân phố số 1, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0358.235.338 – 036.456.7117 Fax:

Email: suport.aibro@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu (Không bao gồm sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
2.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
3.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
4.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
5.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
6.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
7.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
8.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
9.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
10.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
11.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
12.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
13.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
14.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
15.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
16.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
17.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
18.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

19.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
21.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
22.	Xây dựng nhà để ở	4101
23.	Xây dựng nhà không để ở	4102
24.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
25.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
26.	Xây dựng công trình điện	4221
27.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
28.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
29.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
30.	Xây dựng công trình thủy	4291
31.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
32.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
33.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
34.	Phá dỡ	4311
35.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
36.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
37.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
38.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
39.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
40.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
41.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
42.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020(Chính)
43.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ hoạt động đại lý bảo hiểm, môi giới bảo hiểm, quản lý quỹ, trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) (Không bao gồm hoạt động của các tổ chức tín dụng)	6619

44.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản; - Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền); - Tư vấn chuyển giao công nghệ (Khoản 2 Điều 45 Luật Chuyển giao Công nghệ 2017) (Trừ hoạt động của nhà báo, tư vấn chứng khoán, thanh toán hối phiếu)	7490
45.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất (Không bao gồm hoạt động đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất). (Điều 62,69, 74, 75 Luật kinh doanh bất động sản 2014)	6820
46.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ trung tâm giới thiệu việc làm)	7810
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng hóa hàng không)	5229
48.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
49.	Dịch vụ đóng gói	8292
50.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
51.	Cho thuê xe có động cơ	7710
52.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
53.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
54.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
55.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
56.	Đúc sắt, thép	2431
57.	Đúc kim loại màu	2432
58.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
59.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
60.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
61.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
62.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099

63.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
64.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
65.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất thiết bị y tế (Điều 12 Nghị định số 36/2016/NĐ-CP; Khoản 4, Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 169/2018/NĐ-CP)	3250
66.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
67.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
68.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4512
69.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
70.	Đào tạo trung cấp (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép) (Điều 3 Nghị định 143/2016/NĐ-CP quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, được sửa đổi bởi Điều 5, Điều 6 Nghị định 140/2018/NĐ-CP)	8532
71.	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán Chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hóa	6612
72.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4543
73.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
74.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Môi giới mô tô, xe máy mới và loại đã qua sử dụng (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4541
75.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Môi giới phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
76.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

77.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Tuy nhiên những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị	4669
78.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet. (Trừ hoạt động đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
79.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Gồm có: - Hoạt động kiến trúc - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	7110
80.	Cổng thông tin (Không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
81.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ Hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
82.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
83.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
84.	Lập trình máy vi tính	6201
85.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4933
86.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 Về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4932
87.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
88.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
89.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
90.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710

91.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
92.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
93.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
94.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
95.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
96.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
97.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; (Không bao gồm hoạt động đấu giá độc lập)	8299
98.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm kinh doanh vàng)	4662
99.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
100.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
101.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
102.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ loại nhà nước cấm, không bao gồm dược phẩm)	4649
103.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

6. Vốn điều lệ: 1.860.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN NGỌC ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/04/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: C3976430

Ngày cấp: 25/09/2017

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 236 Khu phố 4, Đường Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thị xã Bỉm Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P426 HH03A_B1.3 KĐT Thanh Hà Cienco5, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

Thời gian đăng từ ngày 01/03/2021 đến ngày 31/03/2021

